

CHƯƠNG MỞ ĐẦU
VÀI NÉT VỀ VÙNG ĐẤT CON NGƯỜI,
VÀ KINH TẾ - TÀI CHÍNH MỸ THO - GÒ CÔNG
TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945

I - ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI TIỀN GIANG.

Tiền Giang là một trong những tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, ở vào tọa độ $10^{\circ}11'43''$ và $10^{\circ}35'19''$ vĩ tuyến Bắc, $105^{\circ}49'12''$ và $106^{\circ}48'32''$ kinh tuyến Đông, có diện tích 2.481,8 km² (chiếm 0,71% diện tích cả nước, 5,88% diện tích đồng bằng sông Cửu Long). Phía bắc giáp tỉnh Long An; phía nam giáp 2 tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, lấy sông Tiền làm ranh giới; phía đông giáp biển Đông với 32km bờ biển và cửa sông dài 10 km; phía tây giáp tỉnh Đồng Tháp. Tỉnh Tiền Giang nằm dọc theo bờ bắc sông Tiền, hướng đông-tây theo đường chim bay dài khoảng 108km. Chiều rộng theo hướng nam-bắc, nơi rộng nhất khoảng 40km, nơi hẹp nhất khoảng 10km. Hiện nay Tiền Giang có 8 huyện, 1 thành phố và 2 thị xã; 173 xã, phường, thị trấn.

Tỉnh Tiền Giang trong kháng chiến có vị trí rất

quan trọng, là cửa ngõ của miền Tây, nối liền Sài Gòn - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giao lưu quốc tế của Nam bộ; bằng 2 trục giao thông thủy bộ. Về đường bộ có con đường độc đạo là đường số 4 (*thời kỳ Pháp thuộc còn gọi lộ 16A, lộ Đông Dương nay Quốc lộ 1 A*). Về đường thủy là kênh Bưu Điện (nối sông Bảo Định với Sông Vàm Cỏ Tây), sông Kỳ Hôn, kênh Chợ Gạo và sông Tiền.

Do nạn chiến tranh giành ảnh hưởng giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn thời kỳ hậu Lê, vào khoảng thế kỷ 16 đến thế kỷ 17 đã có nhiều đoàn người từ vùng Ngũ Quảng⁽¹⁾ vượt biển vào Nam cùng một số người Hoa đến tỵ nạn khai khẩn đất hoang, lập làng, mở ruộng⁽²⁾.

Lúc đầu, khoảng năm 1772, đất Tiền Giang được gọi là đạo Trường Đồn, năm sau 1779 đổi là dinh Trường Đồn rồi đến Trấn Định 1780. Năm 1802, Trấn Định được đặt tên là trấn Định Tường.

Từ năm Minh Mạng thứ XII (1831), trấn Định Tường chính thức được đổi tên là tỉnh Định Tường là một trong lục tỉnh Nam Kỳ dưới triều Nguyễn⁽³⁾, bao gồm 2 phủ (Kiến An, Kiến Tường), 4 huyện và 19 tổng, là hệ

(1) Ngũ Quảng: Quảng Bình; Quảng Đức (Huế - Thuận Hoá); Quảng Trị; Quảng Nam; Quảng Ngãi.

(2) Năm 1679, có 3.000 người Hoa đến tỵ nạn.

(3) Năm 1832, vùng đất Gò Công được tách khỏi tỉnh Định Tường nhập vào tỉnh Gia Định.

thống hành chính hoàn chỉnh cho đến thời Pháp xâm chiếm Định Tường lần thứ nhất (4-1861).

Đến năm 1867, khi thực dân Pháp đã xâm chiếm hoàn toàn Nam kỳ; để thực hiện ý đồ thống trị, chúng chia Nam bộ thành 24 tiểu khu hành chính, gọi là khu tham biện. Riêng tỉnh Định Tường có 5 khu tham biện gồm: Mỹ Tho, Cai Lậy, Gò Công, An Hoà (nay thuộc Bến Tre), Trà Mỹ (Cao Lãnh; nay thuộc tỉnh Đồng Tháp). Năm 1876, Thống đốc Nam kỳ là Duperré lại chia Nam bộ thành 4 hạt hành chính là: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Địa giới hạt Mỹ Tho rất rộng gồm các khu tham biện như: Gò Công, Mỹ Tho, Tân An, Chợ Lớn.

Tháng 12 năm 1899, thực dân Pháp ban hành Nghị định đổi các khu tham biện thành tỉnh. Đến ngày 01 tháng 1 năm 1900, viên toàn quyền Đông Dương là Paul Doumer cho thực hiện Nghị định này. Hai khu tham biện Gò Công, Mỹ Tho được sáp nhập lại thành tỉnh Mỹ Tho; đến năm 1902, lại tách thành 2 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công và tồn tại đến năm 1945.

Trải qua hai cuộc kháng chiến, theo sự phát triển của cách mạng, tỉnh Tiền Giang ngày nay đã trải qua bao thay đổi về tổ chức hành chính: Năm 1940 đến Cách mạng tháng Tám thành công, lúc đó hai tỉnh Mỹ Tho, Gò Công là hai tỉnh riêng biệt. Đến năm 1950, do yêu cầu của thế bố trí chiến lược, cuộc chiến đấu mới Mỹ Tho, Gò Công trở thành một phần của tỉnh Mỹ Tân Gò (gọi tắt

là tỉnh Mỹ Tho mới, bao gồm ba tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Gò Công⁽¹⁾. Tháng 7 năm 1954, thực hiện Hiệp định đình chiến Genève, để tiện cho việc chỉ đạo đấu tranh chính trị với địch trong tình hình mới, tỉnh Mỹ Tân Gò được giải thể, hai tỉnh Mỹ Tho, Gò Công trở lại địa giới hành chính cũ⁽²⁾. Cho đến cuối năm 1956, do yêu cầu của cuộc kháng chiến, hai tỉnh Mỹ Tho, Gò Công nhập lại thành tỉnh Mỹ Tho. Đến cuối năm 1967, thị xã Mỹ Tho cùng với các xã Tân Mỹ Chánh, Mỹ Phong (huyện Chợ Gạo), Đạo Thạnh, Trung An, Tân Long huyện Châu Thành được tách ra lập thành đơn vị hành chính ngang tỉnh trực thuộc Quân khu là thành phố Mỹ Tho và 2 huyện Gò Công, Hoà Đông cũng tách ra thành lập tỉnh Gò Công. Đến năm 1973, thành phố Mỹ Tho trở lại là thị xã Mỹ Tho của tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1974, để đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến trong tình hình mới, thành phố Mỹ Tho, đơn vị hành chính ngang tỉnh lại được lập lại. Đến tháng 3 năm 1976, tỉnh Tiền Giang được thành lập trên cơ sở ba đơn vị hành chính ngang tỉnh: tỉnh Mỹ Tho, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Gò Công cho đến ngày nay.

(1) Cù lao An Hoá được sáp nhập vào Bến Tre; tỉnh Tân An (quận Châu Thành, Thủ Thừa, Mộc Hoá) được sáp nhập với Mỹ Tho, Gò Công thành tỉnh mới là Mỹ Tân Gò.

(2) Ngô Đình Diệm, nhằm thực hiện ý đồ kìm kẹp nhân dân, chống lại phong trào cách mạng, chúng đã tổ chức lại bộ máy thống trị ở các tỉnh miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào. Từ năm 1956-1963, chính quyền Sài Gòn cho sáp nhập hai tỉnh Gò Công và Mỹ Tho thành tỉnh Định Tường. Đến tháng 4 năm 1964, chúng tách tỉnh Gò Công ra, Mỹ Tho được gọi là tỉnh Định Tường.

Lịch sử vùng đất Tiền Giang là lịch sử khai phá thiên nhiên của nhân dân gắn với lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Đến cuối thế kỷ XVIII, với sự cần cù, bền bỉ và sáng tạo của người đi khai hoang, diện mạo của vùng đất Tiền Giang đã thay đổi một cách căn bản, kinh tế nông nghiệp phát triển. Sách *Phủ biên tạp lục* có ghi: “Từ cửa biển đến đầu nguồn, người ta phải đi đến sáu, bảy ngày, toàn đi qua những đồng ruộng bao la, bát ngát, mắt trông chẳng thấy bờ ruộng ở đâu, ruộng đồng bằng phẳng, mênh mông”. Những công trình giao thông, thuỷ lợi phục vụ cho công cuộc khai hoang và phát triển kinh tế được nhân dân xây dựng trong lịch sử phát triển của vùng đất Tiền Giang đến nay vẫn còn giá trị kinh tế và quân sự có tầm chiến lược của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long như: kinh Rạch Chanh (còn gọi là kinh Mới - nối hai đầu rạch Ba Rài và Rạch Chanh), kinh Bàu Bèo (Bà Bèo) nối liền sông Tiền với sông Vàm Cỏ, kinh Chợ Gạo, kinh Bảo Định, đường Thiên Lý từ Gia Định qua Thủ Đức, đến giồng Cai Yển, giồng Tha La, giồng Kỳ Lân, giồng Cai Lữ, giồng Trà Luộc, giồng Cai Lễ (Cai Lậy), giồng Thủ Triệu (Cái Bè)... Thành quả của công cuộc khai hoang của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Mỹ Tho - Gò Công nói riêng đã biến đồng bằng sông Cửu Long thành vùng kinh tế có tầm chiến lược cho cả Đàng Trong, cung cấp lúa gạo cho cả vùng Thuận Hoá và miền Trung. Tác giả Lâm Quang

Huyền trong tác phẩm *300 năm kinh tế Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh* trích nhật ký của Pierre Poive năm 1749 như sau: “Vùng đồng bằng sông Cửu Long, ngay từ rất sớm, đã là vựa lúa lớn, sản xuất thóc gạo dư thừa, so với nhu cầu lương thực tại chỗ, còn được đem bán đi các nơi khác trong nước, chủ yếu là các phủ phía ngoài của xứ Đàng Trong, nhất là xứ Thuận Hoá”. Ngoài ra, theo sách *Phủ biên tạp lục* cho biết: “Tại phủ Gia Định, lúa thóc không biết bao nhiêu mà kể, các khách buôn người Tàu thường tới những nơi ấy mua bán đã quen thuộc, ai cũng tấm tắc khen ngợi”.

Lịch sử khai phá đất Mỹ Tho - Gò Công cũng gắn liền với lịch sử chống ngoại xâm oanh liệt của dân tộc. Người dân Mỹ Tho - Gò Công và nhân dân cả nước tự hào với chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút năm Giáp Thìn (ngày 18, 19-01-1785)⁽¹⁾ của nghĩa quân Tây Sơn trước 5 vạn quân Xiêm xâm lược. Đây không chỉ là thắng lợi của nghĩa quân Tây Sơn mà còn là thắng lợi của lòng dân. Dưới sự lãnh đạo tài ba của anh hùng Nguyễn Huệ, nhân dân Mỹ Tho - Gò Công đã phối hợp cùng nghĩa quân Tây Sơn làm nên chiến thắng lịch sử Rạch Gầm - Xoài Mút giữ vững nền độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

(1) Trận Rạch Gầm - Xoài Mút diễn ra vào đêm 18 rạng 19 tháng 1 năm 1785, nhằm đêm mùng 8 rạng mùng 9 tháng Chạp năm Giáp Thìn.

Sự nhu nhược của triều đình nhà Nguyễn trước gót giày xâm lược của thực dân Pháp với việc ký Hiệp ước Nhâm Tuất ngày 05 tháng 6 năm 1862 giao ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định và Định Tường cho đế quốc Pháp, nhân dân Mỹ Tho - Gò Công đã anh dũng chiến đấu chống ách xâm lược của thực dân. Chính vì vậy mà phải trên 30 năm sau (1894) Pháp mới cơ bản bình định được Nam kỳ và đặt nền thống trị toàn diện của chủ nghĩa thực dân lên vùng đất Mỹ Tho - Gò Công.

Khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước chi phối mạnh đến phong trào cách mạng Mỹ Tho, Gò Công cùng với đó là sự ra đời của Đảng bộ tỉnh. Nhờ vậy, Đảng bộ đã tạo ra được sự đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong các lực lượng cách mạng. Đây là một trong những nhân tố cơ bản đưa phong trào cách mạng ở tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Sự phát triển kinh tế của Tiền Giang gắn liền với các vùng sinh thái: vùng kinh tế biển Gò Công, vùng bãi bồi ven biển, vùng sông rạch, vùng lúa, vùng cây ăn trái, vùng cây công nghiệp,... tạo ra những nguồn sản phẩm phong phú, đa dạng mang tính đặc trưng của mỗi vùng.

Mật độ dân số ở Tiền Giang $679 \text{ ng/km}^{2(1)}$. Dân số

(1) Theo số liệu thống kê năm 2013.

trong độ tuổi lao động chiếm hơn 56%. Đây là nhân tố quan trọng và là một lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Tài nguyên ở Tiền Giang không thuần nhất và không thuận lợi, đất phù sa chiếm 53%, còn lại là đất phèn, đất mặn, đất cát... chiếm 47% diện tích đất.

Sự đa dạng về địa hình, chế độ khí hậu - thủy văn tạo cho hoạt động kinh tế nông nghiệp Tiền Giang những nét độc đáo về loại hình sản xuất và hiệu quả kinh tế.

Thuộc vùng kinh tế đồng bằng sông Cửu Long, Tiền Giang có đầy đủ những đặc trưng của vùng đồng bằng sông nước, tài nguyên, khoáng sản không nhiều và không thuần nhất. Nằm dọc bờ Bắc sông Tiền, một đầu là biển Đông, một đầu là Đồng Tháp Mười đã nói lên những nét đặc thù về tiềm năng kinh tế của Tiền Giang. Với diện tích tự nhiên 2.509,34km² (250.943,4 ha), trong đó đất nông nghiệp: 191.137,1 ha, đất phi nông nghiệp: 50.643 ha (trong đó: đất ở: 9.440 ha, đất chuyên dùng: 21.536,49 ha), đất chưa sử dụng: 9.154,28ha . Diện tích, sản lượng lương thực và cây ăn trái khá lớn, riêng diện tích trồng cây ăn trái 70.000 ha (chiếm 8% diện tích trồng cây ăn quả cả nước)⁽¹⁾, đặc biệt trình độ thâm canh của nông dân Tiền Giang được đánh giá là ở mức khá. Bên cạnh đó, với 32 km bờ biển,

(1) Nguồn số liệu: theo Niên Giám thống kê 2014.

120 km theo đường chim bay dọc theo sông Tiền và hệ thống sông rạch nội thủy đã tạo cho Tiền Giang thế mạnh về đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Suốt chiều dài lịch sử trên 300 năm xây dựng, phát triển, nhất là trong hai cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa đế quốc và 40 năm xây dựng đất nước, những điều kiện tự nhiên và kinh tế của Tiền Giang có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh tế, tài chính, văn hoá, quân sự của nhân dân Tiền Giang.

Trong thời kỳ chiến tranh chống ách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, về tổng thể địa hình Tiền Giang được chia thành hai khu vực lớn: khu vực phía đông gồm huyện Chợ Gạo và các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Gò Công (cũ) và khu vực phía tây gồm Mỹ Tho, Châu Thành, Cai Lậy, Cái Bè. Địa hình thường bị địch chia cắt nên các mối liên hệ về kinh tế, tài chính của chính quyền cách mạng giữa hai khu vực rất khó khăn. Để đảm bảo được nguồn tài chính tại chỗ phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng, các khu vực đều tận dụng những điều kiện thuận lợi, khắc phục khó khăn để tạo nguồn thu đảm bảo nhiệm vụ chi. Có thời kỳ mặc dù bị chia cắt địa hình và địch bố ráp ác liệt nhưng Tiền Giang vẫn chủ động được nguồn thu và đảm bảo được nhiệm vụ chi cho hoạt động của các lực lượng ở địa phương và nộp tài chính về trên.

Sau 40 năm xây dựng, đặc biệt là sau 30 năm đổi mới, diện mạo kinh tế của Tiền Giang có những thay đổi rất quan trọng. Ngoài những thành quả phát triển kinh tế nông nghiệp đã được đề cập ở trên, trong 10 năm trở lại đây, một số lĩnh vực như công nghiệp và dịch vụ có bước phát triển đáng kể như việc hình thành các khu công nghiệp Mỹ Tho, khu công nghiệp Tân Hương, khu công nghiệp Long Giang, khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp⁽¹⁾, cụm công nghiệp Trung An, cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh, cụm công nghiệp An Thạnh, cụm công nghiệp Song Thuận, các tuyến du lịch được đầu tư phát triển; hệ thống hạ tầng phục vụ đời sống và phát triển kinh tế, văn hoá rất được quan tâm đầu tư, nhất là giao thông nông thôn.

Hiện nay hoạt động kinh tế trên toàn tỉnh có thể chia thành 3 khu vực như sau:

- Vùng kinh tế phía Tây: bao gồm thị xã Cai Lậy, các huyện Cai Lậy, Cái Bè, Tân Phước. Đây là địa bàn có lợi thế phát triển nông nghiệp, nhất là vùng cây ăn trái được đánh giá là lớn nhất nước nằm trong vùng này. Thế mạnh của vùng này còn là phát triển công nghiệp chế biến nông sản; nông nghiệp

(1) Theo báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

công nghệ cao; phát triển thương mại - dịch vụ, chợ đầu mối nông sản; du lịch sinh thái cảnh quan vườn cây ăn trái và vùng Đồng Tháp Mười, nơi kết nối thị trường nông sản với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

- Vùng kinh tế khu vực Mỹ Tho: bao gồm thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành và huyện Chợ Gạo. Đây là trung tâm văn hoá, kinh tế lớn nhất của tỉnh, có lợi thế trong việc phát triển công nghiệp, dịch vụ. Hiện nay trên địa bàn vùng kinh tế Mỹ Tho đã hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các ngành dịch vụ sẽ phát triển trên cơ sở phát triển công nghiệp. Đặc biệt, với việc Tiền Giang hội nhập vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực này sẽ nằm trọn trong vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh, cực phát triển phía Bắc của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Vùng kinh tế phía Đông - Nam: bao gồm các huyện thuộc khu vực Gò Công. Đây là địa bàn có nhiều tiềm năng về kinh tế biển và phát triển các ngành công nghiệp chế biến, dịch vụ nghề biển, các tiềm năng thuỷ sản và một số loại nông sản đặc thù của vùng đất mặn. Mặt khác, vùng này còn là cửa ngõ chính của Tiền Giang giao lưu với khu vực và quốc tế bằng đường biển.

II- KINH TẾ - TÀI CHÍNH MỸ THO - GÒ CÔNG TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN THÁNG TÁM NĂM 1945.

1- Tài chính Mỹ Tho - Gò Công từ thế kỷ XVII đến 1930.

Người Việt đến khai hoang lập ấp và định cư trên vùng đất Tiền Giang vào khoảng đầu thế kỷ XVII. Chúa Nguyễn áp dụng những chính sách cai trị rất khôn khéo nhằm tạo thuận lợi cho dân cư làm ăn ổn định cuộc sống. Nhưng khi cuộc sống của dân cư đi vào ổn định, Chúa Nguyễn bắt đầu áp dụng chính sách tài chính trên vùng đất Tiền Giang nói riêng và Nam bộ nói chung. Minh chứng là việc Chúa Nguyễn cho mở ở Nam bộ 09 trường thuế, trong đó trên đất Tiền Giang có 02 trường thuế là Tam Lạch⁽¹⁾ và Bả Canh⁽²⁾. Hình thức thu thuế chủ yếu bằng thóc và thuế thu được hàng năm đa phần nộp về trung ương, một phần được để lại địa phương để chính quyền sở tại chi tiêu cho việc công.

Đầu thế kỷ XIX, trên toàn vùng Nam bộ triều đình nhà Nguyễn áp dụng nhiều loại thuế bao gồm thu nội địa, thuế quan và có cả những khoản thu có tính chất thuế do chính quyền địa phương áp dụng. Trong đó, thuế thu từ nông nghiệp là nguồn thu quan trọng nhất.

Diện tích đất canh tác ở Tiền Giang thời Minh Mạng

(1) Tam Lạch: Ba Giồng.

(2) Bả Canh: Chợ Gạo.

được chia ra như sau:

Thảo điền (ruộng thấp): 102.622 mẫu; Sơn điền (ruộng gò): 37.014 mẫu; Vườn cau: 17.813 mẫu; Diện tích trồng cây ăn quả: 1.587 mẫu; Diện tích trồng dâu tằm: 440 mẫu; Diện tích dừa nước: 263 mẫu; Diện tích các loại đậu: 91 mẫu⁽¹⁾.

Căn cứ trên cơ sở phân chia loại đất như trên mà quy định biểu thuế hàng năm để tính thu thuế như sau:

Thảo điền: 26 thăng thóc và 3 tiền thập vật⁽²⁾/mẫu; Sơn điền: 23 thăng⁽³⁾ lúa và 3 tiền thập vật/mẫu; Vườn cau: 1,4 quan⁽⁴⁾/mẫu; Vườn trồng cây ăn quả: 8 tiền/mẫu; Dâu tằm: 2 quan/mẫu; Dừa nước: 4 tiền/mẫu; Đất trồng đậu: 8 tiền/mẫu.

Cương vực của tỉnh Định Tường thời ấy rất rộng bao gồm cả tỉnh Đồng Tháp ngày nay, về phía Tây giáp với biên giới Campuchia. Do đó, việc buôn bán ở vùng biên giới khá nhộn nhịp và nạn buôn lậu thường xảy ra, nhất là vào mùa nước lũ. *Đại Nam nhất thống chí* viết: “Khi gặp mưa lũ, nước lên đầy dẫy, đất liền cũng có thể đi thuyền được, cho nên người buôn bán thường chở vụng hàng hoá từ sông Bát Chiêng về vàm Dừa đi sông Ba Lai Nam, rồi quay sang phía Nam để trốn thuế”. Để ngăn

(1) Mẫu: đơn vị đo ruộng thời phong kiến tương đương 3.600m².

(2) Thập vật: đồ vật linh tinh thường dùng hàng ngày.

(3) Thăng: Dụng cụ đo lường lúa thóc - bằng 2,612 lít.

(4) Quan: Xâu mười tiền, 1 mẫu ruộng thời Nguyễn bằng 3.600m² (mẫu Bắc bộ).

chặn nạn buôn lậu và thu thuế xuất nhập khẩu, năm 1837 vua Minh Mạng cho lập 02 cửa quan⁽¹⁾ ở Hồng Ngự và Tuyên Oai. Trong nửa đầu thế kỷ XIX, chợ Mỹ Tho thuộc huyện Kiến Hưng và hai chợ Thanh Sơn (Cai Lậy), An Bình (Cái Bè) thuộc huyện Kiến Đăng là những ngôi chợ đầu mối, có quan hệ ngoại thương với một số nước trong khu vực, Triều đình nhà Nguyễn lần lượt cho lập hai cửa quan là Mỹ Tho và Mậu Đăng vào các năm 1836 và 1837 để thực hiện việc thu thuế. Tuy nhiên, không lâu sau các cửa quan này bị dỡ bỏ vì chính sách “bế quan toả cảng” của nhà Nguyễn.

Cũng theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, ngoài các nguồn thu thuế nêu trên, triều đình nhà Nguyễn còn buộc người dân Tiền Giang nộp thuế thân.

Ngoài các sắc thuế do triều đình nhà Nguyễn quy định nêu trên, theo *Địa bạ Minh Mạng năm 1836* cho biết: “Do ruộng thảo điền của các thôn bỏ hoang, trồng lúa không được, nên chủ điền đào ao nuôi cá, lấy tiền nộp thuế”, biểu thuế do chính quyền sở tại quy định. Theo sách *Đại nam thực lục*: “Ao thả cá lớn nhỏ khác nhau, khó quy định ngay được. Chuẩn cho quan địa phương chiếu theo lệ đầm ao, châm thước định thuế, giao cho dân lãnh trưng”.

Năm 1850, vùng đất Tiền Giang kinh tế phát triển,

(1) Cửa quan: Cửa ải, cửa khẩu.

triều đình đã có những trạm quan thuế, nhưng do sơ suất bọn lái buôn người Thanh trốn thuế, ông Tuần phủ Định Tường là Đỗ Quang, bị triều đình cách chức.

Các nguồn thu thuế dưới triều đình nhà Nguyễn đa phần được chuyển về kinh đô Huế, một phần để lại cho địa phương sử dụng vào việc công như đắp đường, xây cầu, đắp đôn, nạo vét kinh mương, xây thành và trường học của địa phương hoặc hỗ trợ dân trong những lúc thiên tai địch họa... Cụ thể như năm 1790, Nguyễn Ánh cho phép dinh Trấn Định xuất 5.500 hộ⁽¹⁾ lúa bán rẻ cho dân để cứu đói và năm 1804 ra lệnh Tổng trấn Gia Định thành mang 20.000 phương gạo phát chẩn và bán với giá hạ cho dân; hay năm 1835 Vua Minh Mạng yêu cầu Tuần phủ Định Tường xuất công quỹ mua 10.000 phương gạo của tỉnh Bình Thuận và 10.000 hộ thóc của các địa phương khác để giúp dân vượt qua hậu quả của cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi...

Như vậy, đến thời Vua Minh Mạng, dưới triều nhà Nguyễn hệ thống tài chính của triều đình phong kiến đã được áp dụng khá toàn diện trên đất Tiền Giang, thông qua các sắc thuế đã cho thấy nguồn thu tài chính có cả thu nội địa, thu thuế quan và có cả những khoản thu mang tính chất thuế do chính quyền sở tại ấn định. Tuy nhiên, về sau do chính sách “bế quan toả cảng”, việc buôn bán

(1) Dụng cụ đong lường dùng để đong lường lúa ngô thời phong kiến.

với nước ngoài bị cấm đoán nên nguồn thu thuế quan bị thu hẹp. Về cơ chế chi, mặc dù có để lại nguồn thu cho địa phương sử dụng vào việc công nhưng chủ yếu là để phục vụ cho công cuộc cai trị của bộ máy chính quyền phong kiến, việc chi cho phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống cho địa phương còn rất hạn chế.

Ngày 05 tháng 6 năm 1862 (Nhâm Tuất) Triều đình Huế ký hàng ước với Pháp, ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định và Định Tường rơi vào tay Pháp. Ngay sau khi chiếm ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định và Định Tường, đồng thời với việc đẩy mạnh hoạt động quân sự đàn áp phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân Tiền Giang áp đặt hệ thống thống trị về chính trị, thực dân Pháp cũng áp đặt sự thống trị về kinh tế, tài chính kiểu thực dân lên nền kinh tế vốn còn nghèo nàn của nhân dân Tiền Giang. Mục đích của chính quyền thực dân là ráo riết đẩy mạnh vơ vét, bóc lột nhân dân ta về kinh tế để làm giàu cho bọn tư sản Pháp.

Chính sách thuế là công cụ chủ yếu để chính quyền thực dân Pháp vơ vét về tài chính đối với nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Tiền Giang nói riêng. Chính quyền thực dân đặt ra rất nhiều thứ thuế, bao gồm thuế thân, thuế cư trú, thuế ruộng, thuế muối, thuế rượu, thuế thuốc phiện, thuế môn bài, thuế hoa chi v.v... Về cơ bản chính sách thuế dưới chính quyền thực dân Pháp chia thành hai loại: trực thu và gián thu.

- Thuế trực thu bao gồm thuế thân và thuế ruộng.

+ Thuế thân là một sắc thuế rất hà khắc đánh vào dân đinh từ 18 tuổi đến 60 tuổi không phân biệt giàu nghèo, thông qua việc ấn định mức thuế cho từng làng không dựa trên số dân trong độ tuổi nộp thuế, do đó trường hợp người đã chết vẫn không được miễn giảm thuế là phổ biến, thân nhân người chết phải nộp thay, mức thuế phải nộp rất cao, từ năm 1925-1930 phải nộp 7,5 đồng tiền Đông Dương/người/năm trong khi giá lúa rất thấp chỉ từ 0,8 đến 1 đồng/gia. Thuế thân đã được áp dụng ở Tiền Giang từ thời nhà Nguyễn, nhưng so với thời kỳ Pháp thuộc, việc thu thuế dưới thời nhà Nguyễn có lẽ hà khắc hơn. Triều đình nhà Nguyễn chỉ thu thuế thân đối với người hữu sản, đối với dân bạch đinh (người nghèo không có tài sản) thì không thu.

+ Thuế ruộng, trước năm 1897 mỗi mẫu đóng 1 đồng, nhưng từ năm 1897 trở đi, ruộng hạng nhất phải đóng 1,5 đồng/mẫu, ruộng hạng nhì phải đóng 1,1 đồng/mẫu, chưa kể các khoản phụ thu khác ngày càng tăng.

Sự hà khắc, tàn bạo trong chính sách tài chính của chủ nghĩa thực dân Pháp là việc áp đặt nhiều loại thuế gián thu, trong đó đặc biệt phải nói đến là thuế muối, thuế rượu và thuế thuốc phiện. Chính quyền thực dân Pháp nắm độc quyền mua bán ba mặt hàng này. Theo *Địa phương chí Gò Công* năm 1936, ở Gò Công, muối,

rượu và thuốc phiện do nhà Đoan⁽¹⁾ quản lý và phân phối. *Địa chí Tiền Giang* tập I, xuất bản năm 2005 khái quát tình hình kinh doanh các mặt hàng rượu, thuốc phiện và muối ở Tiền Giang thời bấy giờ như sau:

“Về kinh doanh rượu, ở Gò Công, chính quyền thực dân có mở một kho rượu chứa 50.000 lít. Người sản xuất rượu chỉ được phép bán rượu cho nhà cầm quyền với giá 7 xu 1 lít, nhưng bọn chúng mang đi bán buôn đến 14 xu và bán lẻ là 18 xu. Do đó chúng thu được lợi nhuận rất lớn: năm 1886, tiền lãi thu được 11.844 francs, nhưng chỉ trong 6 tháng đầu năm 1887 đã vọt lên 10.926 francs, gần bằng trọn năm 1886. Năm 1902, thực dân Pháp chuyển độc quyền sản xuất rượu cho Công ty nấu cất rượu Đông Dương (còn gọi là Công ty Fontaine). Với 22 đại lý và 560 điểm bán lẻ có ở hầu hết vùng Gò Công, chính quyền thực dân buộc nhân dân ta phải uống “rượu ly”. Hàng năm mỗi làng phải uống hết số rượu do chính quyền thực dân quy định, nếu không thì phải xuất công nho⁽²⁾ mua cho kỳ hết. Giá rượu tăng liên tục, năm 1902 là 25 xu một lít, năm 1906 lên 29 xu, trong khi đó vốn của công ty bỏ ra rất ít. Theo đó, lợi nhuận tăng lên đáng kể”.

“Về thuốc phiện, ở Gò Công việc bán chất gậy

(1) Nhà Đoan: cơ quan thuế quan thời thực dân.

(2) Công nho: tiền của làng do dân đóng góp.

nghiện độc hại này do chính tên Giám Thu ở Nhà Đồn đảm nhiệm. Bọn chúng cho mở 6 đại lý để thực hiện việc bán lẻ với các loại hộp 100, 40, 20 và 10gram. Trong 6 tháng đầu năm 1886, chính quyền thực dân ở đây thu lãi được 98.640 francs, nhưng cùng kỳ năm sau (1887) tăng lên đến 107.500 francs, và càng về sau thu lợi nhuận càng tăng lên”.

“Về muối, Gò Công là vùng ven biển nên từ lâu đời đã sản xuất ra muối với số lượng lớn, nhưng không được tự do mua bán, mà phải bán hết cho chính quyền thực dân với giá quy định, để rồi phải mua lại bằng giá cao để dùng. Tại đây, bọn chúng có một kho muối với trữ lượng 150 tấn. Năm 1897, mỗi tạ muối phải đóng 0,25 đồng, đến năm 1906, tăng lên 2,25 đồng”. Tác giả Bernard, trong tạp chí Paris số 10-1908 đã viết: “Chính quyền đã tạo ra một nỗi khổ ghê gớm cho một dân tộc là phải nhịn một thức ăn không thể thiếu được đó”.

Tàn bạo hơn nữa trong chính sách tài chính của chính quyền thực dân Pháp thời bấy giờ là việc nghiêm cấm người dân dự trữ muối hoặc nấu rượu trong nhà, việc dự trữ muối được xem như tàng trữ đồ quốc cấm, tự sản xuất rượu là hành động sản xuất lậu. Do đó, nếu bị phát hiện, bị bắt giam và chịu sự phạt vạ rất nặng nề. Sự tàn bạo trong chính sách thuế của chính quyền thực dân Pháp thời bấy giờ được tác giả James viết trong tác phẩm *Ở xứ An Nam* xuất bản năm 1898 ở Paris như sau:

“Trên chiếc lưng cao su của người An Nam, nhà nước tha hồ kéo dài mức thuế co giãn”.

Ở vùng Gò Công với lợi thế là các cửa sông lớn và bờ biển dài trên 32km gần đường hàng hải quốc tế, nên việc vận chuyển bằng đường thủy có điều kiện phát triển. Trong thời kỳ này, chính quyền thực dân Pháp cũng đã tiến hành thu thuế vận tải đường biển của 140 phương tiện vận tải thủy.

Là một thuộc địa của tư bản Pháp, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 1929 - 1933 của hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa có ảnh hưởng trực tiếp đến các nước thuộc địa. Mỹ Tho, Gò Công thời kỳ này bị khủng hoảng trầm trọng. Do áp lực của tư bản nước ngoài, giá lúa ở Nam kỳ sụt giảm. Năm 1930, giá lúa 1 đồng/giạ thì đến năm 1931 chỉ còn lại 0,20 đồng/giạ, trong khi đó giá hàng ngoại nhập (thuốc trị bệnh, vải, dầu hoả...) vẫn giữ nguyên giá. Song song đó, hậu quả của khủng hoảng tài chính đã làm ngân sách của chính quyền đô hộ thiếu hụt, chúng tìm mọi cách vơ vét tiền bạc của nhân dân bằng cách truy thu, tận thu thuế, bán phiếu quốc trái... Dựa vào cố vật giá giảm, chúng tìm cách cắt giảm lương của công chức, binh lính, giáo viên... Do đó đời sống các tầng lớp nhân dân ở địa phương kể cả tầng lớp thợ thầy và quan lại cấp thấp cực kỳ khốn khổ.

Đời sống của các tầng lớp nhân dân đã cực kỳ khốn khổ còn bị bần cùng bởi nạn cho vay nặng lãi của bọn

đại địa chủ. Trước khủng hoảng tài chính 1929 - 1933 chỉ các đại địa chủ có thế lực mới có đủ điều kiện được vay ngân hàng. Những đại địa chủ này lại đem tiền cho địa chủ cấp dưới, phú nông, trung nông vay lại. Đến khi xảy ra khủng hoảng kinh tế bọn cho vay cấp trên dùng quyền lực ép con nợ. Cuối cùng các con nợ cấp dưới bị phá sản, ruộng đất bị tịch thu bổ sung vào đội ngũ những người cùng khổ. Giá nhân công rẻ mạt nhưng lại không có việc làm. Giá lúa gạo thấp nhưng không bán được.

Thời Pháp thuộc, tài chính là công cụ bóc lột hữu hiệu của chính quyền thực dân. Thông qua công cụ thuế chính quyền thực dân đã bòn rút đến tận xương tuỷ của người lao động. Ruộng đất là vốn cơ bản của người nông dân bị chiếm đoạt biến thành sở hữu độc quyền bọn đại địa chủ người Pháp và chúng được dùng làm công cụ để bóc lột chính người lao động thông qua biện pháp phát canh thu tô.

2- Hoạt động tài chính cách mạng từ 1930 đến 1945.

Đến năm 1894, thực dân Pháp về cơ bản bình định xong các phong trào kháng chiến nổi lên chống ách thống trị thực dân của nhân dân Tiền Giang và đặt được nền thống trị trên đất Tiền Giang, nhưng lòng yêu nước của nhân dân Tiền Giang vẫn như than hồng âm ỉ, chờ ngọn gió của phong trào vận động cách mạng sẽ lại bùng lên thành ngọn lửa đấu tranh mãnh liệt. Với chính sách

dùng quyền lực để chiếm đoạt ruộng đất của nhân dân, công cụ bóc lột người lao động bằng chính sách thuế tàn bạo, bòn rút vơ vét tận xương tuỷ nhân dân, bọn thực dân và tư sản đã làm cho mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Tiền Giang thời bấy giờ càng trở nên sâu sắc. Đó là mâu thuẫn về quyền lợi của những người nông dân với địa chủ, mâu thuẫn quyền lợi kinh tế của những nhà tư sản người Việt với tư sản Pháp, Hoa. Chính vì vậy, vào đầu thế kỷ XX, cuộc vận động Duy Tân do cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Châu Trinh⁽¹⁾ cổ xúy⁽²⁾ đã được các tầng lớp yêu nước ở Tiền Giang hưởng ứng với mọi hình thức, trong các thời điểm, đã thôi thúc những hoạt động tiến bộ, yêu nước của nhân dân Tiền Giang thêm mạnh mẽ. Nhiều thanh niên yêu nước của Tiền Giang đã đứng ra thành lập các tổ chức làm kinh tế, một mặt để gây quỹ ủng hộ phong trào. Mặt khác, thông qua các tổ chức kinh tế đó làm phương tiện để vận động tập hợp nhân dân tham gia phong trào. Tiêu biểu ở Gò Công như ông Huỳnh Đình Điển một nhà tư sản dân tộc tiến bộ đã cùng với ông Trần Chánh Chiếu - một điền chủ ở Mỹ Tho giữ chức vụ tri phủ có uy tín với Pháp và một số người giàu có đã lập ra Nam kỳ Minh Tân Công nghệ và lập

(1) Có tài liệu viết là Phan Chu Trinh. Theo quyền “Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới” gồm 2 tập của bà Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh) - cháu ngoại của cụ Phan Châu Trinh do Nhà xuất bản Đà Nẵng xuất bản năm 2001 và 2003, các tài liệu lưu trữ trong nước và nước ngoài đều viết là “Phan Châu Trinh”.

(2) Cổ xúy: Hô hào, động viên.

ra Khách sạn Minh Tân⁽¹⁾ ở Mỹ Tho. Trong số các thanh niên tiến bộ ấy của Mỹ Tho - Gò Công đã có nhiều người sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và đi theo con đường cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vạch ra.

Năm 1924, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức được một nhóm thanh niên cách mạng đầu tiên ở Quảng Châu (Trung Quốc), tháng 6 năm 1925 lập ra Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên⁽²⁾ để tập hợp thanh niên yêu nước Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản và mở trường chính trị để huấn luyện bồi dưỡng cán bộ cho phong trào cách mạng. Nhiều thanh niên yêu nước của Mỹ Tho - Gò Công được cử dự các lớp huấn luyện này (Nguyễn Văn Thìn ở Gò Công, Trần Hoè, Lê Hoàng Chiếu, Trần Ngọc Giải... ở Mỹ Tho). Năm 1927 và 1928 ở Gò Công và Mỹ Tho đã thành lập Kỳ bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội để lãnh đạo phong trào. Nguồn tài chính của tổ chức cách mạng thời kỳ này chủ yếu từ sự ủng hộ của các nhà yêu nước, đóng góp của các hội viên và hoạt động kinh tế do tổ chức Việt Nam thanh niên đồng chí Hội thành lập. Các hoạt động kinh tế được tổ chức rất đa dạng phong phú, mục đích tạo nguồn quỹ cho hoạt động, đồng thời là những địa điểm xuất phát sự lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của phong trào. Tháng 5/1928, ở Gò Công tỉnh hội Thanh niên cách mạng đồng

(1) Khách sạn Minh Tân: nằm tại ngã ba đường 30/4 và Huyện Thoại ngày nay.

(2) Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội .

chí Hội lập quán cơm Long Vĩnh Bình tại làng Thành Phố (nay là thị xã Gò Công), vừa làm kinh tế, vừa làm nơi gặp gỡ cơ sở. Ở Mỹ Tho, dưới sự chỉ đạo trực tiếp Kỳ ủy Thanh niên cách mạng đồng chí Hội Nam kỳ và Tỉnh bộ tỉnh Mỹ Tho, tại làng Vĩnh Kim đã thành lập gánh hát Đồng Nữ Ban (thành viên của gánh hát toàn là nữ), thông qua các vở diễn để khơi dậy lòng yêu nước trong thanh niên và để gây quỹ cho hoạt động của Hội.

Ngày 03 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, đây là sự kiện trọng đại của cả đất nước và của nhân dân Mỹ Tho - Gò Công. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp ủy lâm thời ở Nam kỳ, tháng 4 năm 1930, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Mỹ Tho được thành lập; ở Gò Công vào cuối năm 1929, do Pháp khủng bố thẳng tay nên phong trào ở đây gặp khó khăn, một số đồng chí lãnh đạo An Nam Cộng sản Đảng bị bắt, số còn lại phân tán hoạt động ở các nơi khác để bảo toàn lực lượng. Đầu năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp ủy lâm thời Nam kỳ đã trở về hoạt động gây lại cơ sở ở Gò Công. Tình hình kinh tế Mỹ Tho - Gò Công thời kỳ này, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ của hệ thống tư bản thế giới và sự vỡ vét tận xương tuỷ của chủ nghĩa thực dân bị kiệt quệ trầm trọng. Hoạt động tài chính thời kỳ này là hoạt động gây quỹ của Đảng do Đảng trực tiếp lãnh đạo và tổ chức. Nguồn quỹ phục vụ cho hoạt động của Đảng chủ yếu vẫn là nguồn vận động

nhân dân ủng hộ và các hoạt động kinh tế gây quỹ do các cơ sở của Đảng tổ chức và lãnh đạo. Từ năm 1931, Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương Mỹ Tho triển khai thực hiện chủ trương “kinh tế mạo hiểm”, phân công cán bộ tổ chức các cơ sở hoạt động kinh tế bí mật trong lòng địch vừa kiếm tiền gây quỹ cho Đảng vừa làm nơi liên lạc nhận, phân phối tài liệu của Đảng⁽¹⁾. Năm 1936, ở Chợ Giữa, Vĩnh Kim, Bình Trưng, Bàn Long ta tổ chức mở quán cơm, tiệm hớt tóc bình dân, tính giá rẻ cho người lao động. Vận động đoàn xiếc Tạ Duy Hiến bán giá hạ cho dân lao động xem, một phần tiền thu được sử dụng làm quỹ cho hoạt động.

Năm 1940, đế quốc Pháp bị đánh bại ở chính quốc, ở Đông Dương phát xít Nhật nhảy vào hất chân Pháp độc chiếm Đông Dương, bọn cai trị Pháp chấp nhận làm tay sai cho Nhật, nhân dân ta phải chịu ách một cổ hai tròng. “Tình thế trên đã dẫn đến việc Xứ ủy Nam kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương chuẩn bị ráo riết phát động cuộc khởi nghĩa trên toàn Nam kỳ vào cuối năm 1940”⁽²⁾.

Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ họp từ ngày 21 đến ngày 27/7/1940 đã đề ra những công việc cấp bách trước mắt để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa là phát triển mạnh các

(1) Phân công đồng chí Phan Văn Kiêu và Trần Văn Ngọ mở quán cơm ở ngã ba Trung Lương; phân công đồng chí Phạm Duy Lờ và đồng chí Nguyễn Văn Hiếu cùng cố các cơ sở hội quần chúng và tổ chức quyên góp trong nhân dân tại Cai Lậy, đồng chí Nguyễn Đồng Bang mở hai tiệm thuốc Bắc và thuốc Nam ở chợ Cai Lậy.
(2) Công tác bảo đảm hậu cần trong kháng chiến của quân và dân Mỹ Tho (1940 – 1975), NXB QĐND, Hà Nội 2005, tr 26.

đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Phản đế, tiến tới thành lập Mặt trận Phản đế trong toàn xứ, tổ chức lực lượng du kích, mua sắm thêm vũ khí, tập luyện quân sự, đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch. Các Ban cần thiết cho khởi nghĩa như Ban Tham mưu, Ban Phá hoại, Ban Giao thông, Ban Tuyên truyền, Ban Quân báo, Ban Địch vận, Ban Tài chính...được gấp rút thành lập⁽¹⁾.

Công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương ở các cấp. Công tác tài chính lúc này là chuẩn bị các nguồn hậu cần cho lực lượng khởi nghĩa, trong đó việc đảm bảo lương thực và các nguồn tài chính để trang bị vũ khí được đặt lên hàng đầu. Về lương thực chủ yếu là vận động quần chúng ủng hộ, về các nguồn tài chính chủ yếu là lạc quyền trong nhân dân.

Khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, lực lượng khởi nghĩa phá các kho thóc của địa chủ chia cho dân nghèo và dành một phần để nuôi quân⁽²⁾. Thành quả của cuộc khởi nghĩa đã đem lại quyền lợi, tự do dân chủ cho nhân dân, làm cho nhân dân phấn khởi, đồng bào hăng hái tham gia hoạt

(1) Hội nghị Xứ ủy Nam kỳ tổ chức tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, Châu Thành, dự Hội nghị có 24 đại biểu của 19/21 tỉnh Nam kỳ có sự tham dự của đồng chí Phan Đăng Lưu - Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng.

(2) Thời kỳ này ta đánh chiếm kho lúa của địa chủ Nguyễn Thành Long ở Nhi Bình, kho lúa của quân Xiêu ở Đông Hoà, tịch thu kho lúa của địa chủ ở Tân Lý Tây, Thới Sơn, Bình Đức, Phú Mỹ, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Mỹ Hạnh Đông, kho bầy căn ở Thiên Hộ, Hậu Mỹ, tịch thu 70.000 đồng tiền Đông Dương ngân hàng, 70 lạng vàng và nhiều kim cương, đồ trang sức của tên đại địa chủ phú Mầu ở Ngũ Hiệp - nguồn: công tác bảo đảm hậu cần trong kháng chiến của quân và dân Mỹ Tho (1940 – 1975).

động cách mạng, bảo vệ chính quyền và thành quả của cuộc khởi nghĩa đã giành được, không quản ngại công sức, đem cả tài sản ủng hộ cách mạng. Một số địa chủ và người khá giả có cảm tình với cách mạng đã hiến cả kho thóc, nhà máy chà gạo, vải vóc quần áo... Đó là nguồn tài chính quý giá nhân dân ủng hộ cho cách mạng và là cơ sở vững chắc để xây dựng nền tài chính kháng chiến trong giai đoạn chống Pháp và chống Mỹ sau này.

Cuộc khởi nghĩa Nam kỳ thất bại, lực lượng khởi nghĩa phân tán, lui vào Đồng Tháp Mười để bảo tồn lực lượng chờ thời cơ mới. “Số tiền, vàng thu được trong cuộc khởi nghĩa còn lại được đồng chí Nguyễn Văn Tân⁽¹⁾ giao lại cho một số quần chúng tốt, nhiệt tình với cách mạng gìn giữ. Số tiền, vàng này được giao lại trọn vẹn khi Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945”.

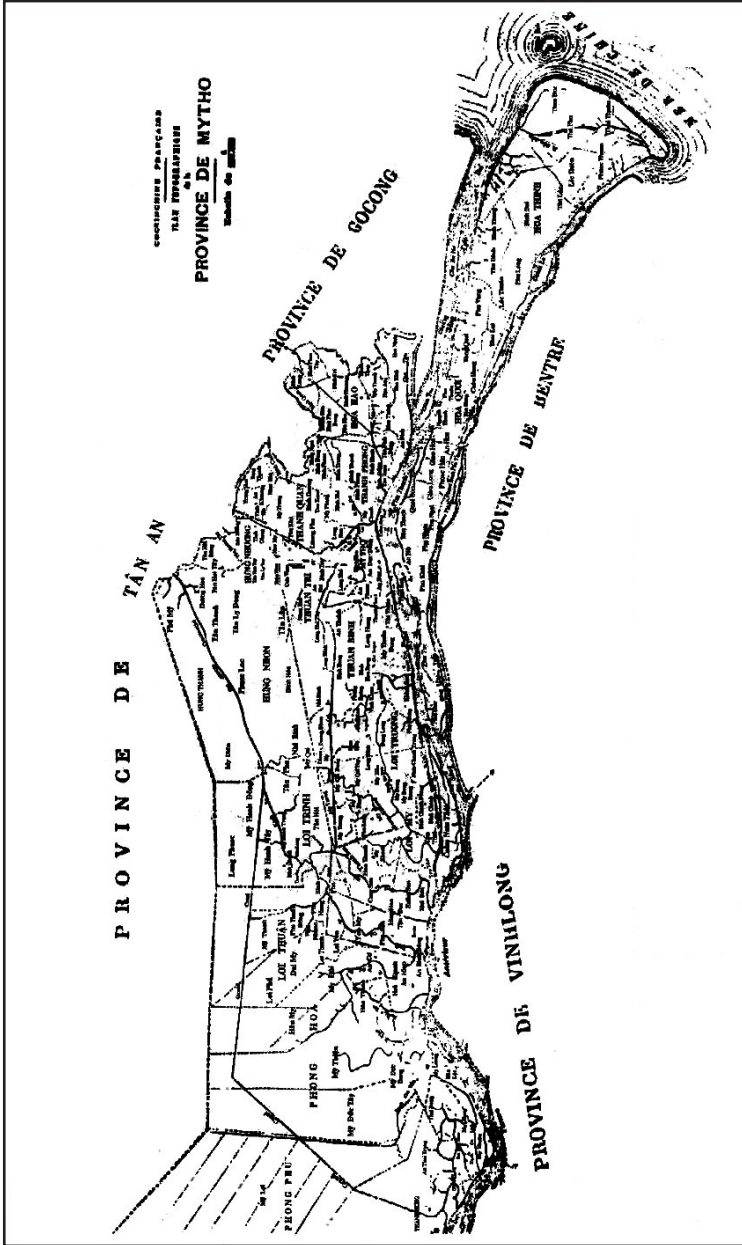
* * *

Từ thế kỷ XVII, vùng đất Tiền Giang do chúa Nguyễn, sau đó là triều Nguyễn quản lý. Đây là vùng thanh mậu, kinh tế phát triển, nhân dân có truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, có ý chí đấu tranh chống xâm lược và bất công. Năm 1785, vùng này đã diễn ra trận Rạch Gầm - Xoài Mút, tiêu diệt gần 5 vạn quân

(1) Đồng chí Nguyễn Văn Tân, có tên gọi khác là Lữ Đồng Tân, quê ở Thạnh Phú, Châu Thành, được kết nạp vào Đảng năm 1930, tháng 8 năm 1940, Ban Chỉ huy Quân sự cuộc khởi nghĩa thành lập, đồng chí được cử làm trưởng Ban quân nhu. Đây là người cán bộ lãnh đạo ngành Hậu cần đầu tiên của lực lượng vũ trang nhân dân Mỹ Tho.

Xiêm, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Xiêm La xâm lược. Từ năm 1861, vùng đất này xuất hiện nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược, trong đó có các cuộc khởi nghĩa của anh hùng dân tộc Trương Định, anh hùng dân tộc Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân. Đây cũng là vùng đất mà thực dân Pháp chọn xây dựng trường trung học sớm ở Việt Nam và tuyến đường sắt đầu tiên của Đông Dương (tuyến Sài Gòn - Mỹ Tho). Nhiều trí thức ở vùng này sớm tiếp nhận ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó có nhiều thanh niên yêu nước được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) tham dự lớp huấn luyện và được kết nạp vào tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Năm 1929, Tỉnh ủy An nam Cộng sản Đảng tỉnh Mỹ Tho được thành lập, tiếp đó, tháng 4 năm 1930, Tỉnh ủy lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Mỹ Tho được thành lập. Từ đó, nhiều phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân nổ ra. Nhân dân Mỹ Tho và Gò Công (nay là Tiền Giang) dưới sự lãnh đạo của Đảng đã anh dũng đấu tranh, đặc biệt đã làm cuộc khởi nghĩa Nam kỳ (11-1940) được coi là “cuộc tấn công trời”. Với lòng yêu nước, khát khao được sống trong độc lập, các tầng lớp nhân dân đã không ngừng đóng góp tinh thần và của cải cho cách mạng, để tiến tới làm cuộc tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám (1945), trở thành tỉnh giành chính quyền sớm ở Nam bộ.



BẢN ĐỒ TỈNH MỸ THO NĂM 1902

